



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Km 26 - Quốc Lộ 26 - Huyện Krông Pắc - Tỉnh Đắk Lắk

Tel. : 0262.352 1149 - Fax : 0262.352 1246

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2023

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty cổ phần Cà phê Phước An.

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cà phê Phước An. Chi tiết như sau:

1. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: 7 giờ 30 phút, Thứ sáu, ngày 21 tháng 04 năm 2023.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty(Địa chỉ: Km 26, QL 26, Ea Yông, Krông Pắc, Đắk Lắk).

2. Điều kiện tham dự Đại hội

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần cà phê Phước An theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2022.
- Trường hợp Cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản đúng theo quy định của Công ty.

3. Nội dung Đại hội:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát;
- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;
- Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Thông qua Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023.
- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023.
- Thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 .
- Thông qua các nội dung liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

4. Tài liệu Đại hội

- Thư mời họp; Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội; Phiếu góp ý; Chương trình họp sẽ được gửi đến Quý cổ đông.
- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.phuocancoffee.com.vn

5. Đăng ký tham dự Đại hội

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội được chu đáo, rất mong Quý cổ đông vui lòng gửi Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội theo Mẫu Giấy xác nhận

tham dự hoặc ủy quyền tham dự được gửi kèm trong tài liệu Đại hội và đăng tải trên website www.phuocancoffee.com.vn đến Công ty trước **16g00 ngày 18 /04/2023** theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Người nhận: ông Phan Viết Lâm – ĐTDĐ: 0908 189 092

Km 26 - Quốc Lộ 26 - Huyện Krông Pắc - Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262.352 1149 Fax: 0262.352 1246

Khi tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Thư mời họp, bản chính Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội, Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân.

Trân trọng.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ NGUYỄN HÒA



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Địa chỉ: Km 26 – Quốc lộ 26 – Huyện Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262 3521149 - FAX: 0262 3521246 - MST: 6000183273

Website: www.phuocancoffee.com.vn - Email: pacoffeco@gmail.com

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Thời gian tổ chức: Từ 8h00' đến 11h30', thứ sáu ngày 21 tháng 04 năm 2023.

Địa điểm: Văn phòng Công ty (Km26, QL 26, xã Ea Yông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	7h30' – 8h00'	- Đón tiếp và đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông. - Kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại Hội. - Phát tài liệu cho cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội.	Ban tổ chức Đại hội; Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	8h00' – 8h15'	- Ôn định tổ chức chuẩn bị đại hội. - Khai mạc Đại hội	Ban tổ chức Đại hội
3		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách và số lượng cổ đông tham dự Đại hội.	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
4		- Biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết.	HDQT
5		- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. - Biểu quyết thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội.	HDQT
6	8h15' - 10h00'	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của HDQT.	HDQT
7		- Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát	BKS
8		- Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.	Đoàn Chủ tọa
9		- Thông qua Tờ trình kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023.	Đoàn Chủ tọa
10		- Thông qua Tờ trình thù lao của HDQT và BKS năm 2022 và phương án chi trả thù lao HDQT và BKS năm 2023.	Đoàn Chủ tọa
11		- Thông qua Tờ trình việc ủy quyền cho HDQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023.	Đoàn Chủ tọa
12		- Thông qua Tờ trình về việc vay vốn tại Ngân hàng Agribank Đắk Lắk	Đoàn Chủ tọa
13	10h-10h20'	- Thông qua Tờ trình và tiến hành bầu bổ sung thành viên HDQT nhiệm kỳ 2022-2027.	Đoàn chủ tọa -Ban kiểm phiếu
14	10h20'-10h40'	- Các ý kiến phát biểu, thảo luận. - Đại hội biểu quyết thông qua các Tờ trình.	Đoàn Chủ tọa
15	10h50'-11h00	-Công bố kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HDQT nhiệm kỳ 2022-2027	Ban kiểm phiếu
16	11h05'– 11h30'	- Thông qua Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2023. - Bế mạc Đại hội.	Thư ký Đại hội; Đoàn Chủ tọa

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Nguyên Hòa

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 4 năm 2023

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 24/03/2023.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Ăn mặc lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

- Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

. Trước khi khai mạc Đại hội;

. Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

- Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của ban biểu quyết.

4.1. Ban biểu quyết gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban biểu quyết có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.

4.3. Trưởng Ban biểu quyết báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban biểu quyết có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban biểu quyết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký Đại hội kết quả biểu quyết.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty do HĐQT đề cử.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

5.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THẺ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thông qua quyết định của Đại hội

8.1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

8.2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sát nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Thẻ biểu quyết

9.1. Thẻ biểu quyết do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, số cổ phần của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 10. Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến (theo mẫu quy định). Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lặp lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý

kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 12. Biên bản Đại hội

12.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

12.2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

12.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

12.4. Biên bản Đại hội phải được gửi tới các cổ đông hoặc được đăng tải trên website của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc Đại hội.

12.5. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 13. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông hoặc đăng tải trên website của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 14. Hiệu lực thi hành của Quy chế

14.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

14.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Cổ đông của Công ty;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Nguyên Hòa

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 4 năm 2023**QUY CHẾ BẦU CỬ****Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027 Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023***Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;**Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An.***Điều 1. Mục tiêu bầu cử**

Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty cổ phần cà phê Phước An (CPA) tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của Quy chế này. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của (CPA) hoặc những người được ủy quyền hợp lệ.

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**Quy định chung:**

Số lượng thành viên HĐQT được bầu: 01 người.

Số lượng ứng cử thành viên HĐQT : không hạn chế.

Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Tiêu chuẩn ứng cử viên:

Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên HĐQT:

Thực hiện theo điều 155, 156 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào thành viên HĐQT:

Đơn xin đề cử (ứng cử) thành viên tham gia HĐQT (theo mẫu);

Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai có dán ảnh.

Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMTND/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

Điều 5. Phương thức bầu cử :

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu; Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần có



quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT; Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phiếu bầu và ghi phiếu bầu: Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền bầu cử theo mã số tham dự; Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu Hội đồng quản trị HĐQT) theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*); Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác; Cổ đông phải tự mình ghi số quyền bầu cử bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (*có giấy uỷ quyền*), người được uỷ quyền có đầy đủ quyền bầu cử.

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ: Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty; Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; Phiếu có tổng số quyền bầu cử cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông đó sở hữu/được uỷ quyền.

Ban Kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua;

Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu:

Thông qua Quy chế bầu cử;

Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;

Tiến hành kiểm phiếu;

Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

Điều 6. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT :

Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục đính theo Quy chế này.

Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp.

Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại để chọn người có số phiếu cao hơn.

Điều 7. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền bầu cử của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số quyền bầu cử cho từng ứng cử viên vào HĐQT; Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội.

Quy chế này gồm có 08 điều và được công khai trước Đại hội để biểu quyết thông qua./.

- Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- Website Công ty;
- Lưu: ĐHĐCĐ

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Nguyên Hòa



BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An và các quy định của pháp luật liên quan.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cà phê Phước An báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

I- HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

1- Cơ cấu nhân sự của HĐQT:

- HĐQT công ty gồm 05 thành viên như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Nguyên Hòa	Chủ tịch HĐQT	
2	Hồ Sỹ Trung	Phó CT HĐQT	
3	Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 16/12/2022
4	Nguyễn Huyền Trâm	Thành viên HĐQT	
5	Dương Kim Nhung	Thành viên HĐQT	

2- Hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty:

- HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và tổ chức triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Tổ chức họp định kỳ và bất thường: Định kỳ hàng tháng HĐQT đã họp để đánh giá các báo cáo của ban Tổng giám đốc về các hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn các hoạt động của công ty. Trong một số trường hợp, HĐQT họp bất thường để giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của ban Tổng giám đốc.

- Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty: HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty:

+ Thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên của HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT.

+ Hàng tháng, HĐQT thường xuyên cử người tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt kết quả giải quyết công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến góp ý, chỉ đạo để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của ban TGD nhằm điều hành hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

+ Ban hành Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành hoạt động SXKD.

+ Chỉ đạo hoàn thành xây dựng các quy chế, nội quy hoạt động của công ty.

+ Kết hợp với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.



Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 17 cuộc họp, kết quả đã ban hành 17 Nghị quyết, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ
01	01-2022/NQ-HĐQT	16/02/2022	Phê duyệt Phương án thanh lý, giao khoán vườn cây đến hạn thanh lý hợp đồng tại vùng Phước An, huyện Krông Pắc	100%
02	02-2022/NQ-HĐQT	16/02/2022	Bãi nhiệm chức vụ Phó Tổng GD công ty đối với ông Trương Quang Tuấn	100%
03	03-2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ cây trồng và tài sản trên đất để xét xử tại Tòa án thu hồi vườn cây giao khoán tại An Thuận.	100%
04	04-2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Phê duyệt của bỏ cây bơ và cà phê trong diện tích 10,53ha vườn cây Thực nghiệm	100%
05	05-2022/NQ-HĐQT	25/02/2022	Phê duyệt Phương án thanh lý, gia hạn hợp đồng giao khoán vườn cây của Công ty tại vùng An Thuận đến hạn thanh lý hợp đồng	100%
06	06-2022/NQ-HĐQT	08/3/2022	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
07	07-2022/NQ-HĐQT	22/4/2022	Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2022-2027	100%
08	08-2022/NQ-HĐQT	22/04/2022	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký Hội đồng quản trị	100%
09	09-2022/NQ-HĐQT	27/04/2022	Phê duyệt chủ trương thanh lý TSCĐ, nhổ bỏ cây cà phê trên diện tích 4,37ha của Công ty tại vùng An Thuận.	100%
10	10-2022/NQ-HĐQT	27/6/2022	Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
11	11-2022/NQ-HĐQT	28/7/2022	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
12	12-2022/NQ-HĐQT	19/09/2022	Vay vốn tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Đắk Lắk.	100%
13	13-2022/NQ-HĐQT	26/9/2022	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cà phê Phước An đối với ông Lê Khánh Việt.	100%
14	14-2022/NQ-HĐQT	15/11/2022	Phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%

15	15-2022/NQ-HĐQT	14/12/2022	Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
16	16-2022/NQ-HĐQT	16/12/2022	Thống nhất một số nội dung liên quan đến vườn cây của Công ty tại vùng An Thuận.	100%
17	17-2022/NQ-HĐQT	16/12/2022	Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Hoàng Hiệp.	100%

3. Các thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Trong năm 2022 do kết quả kinh doanh chưa đạt hiệu quả, lỗ lũy kế, nên HĐQT quyết định không chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát.

4- Công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao.
- Duy trì chế độ báo cáo hàng tháng của Tổng giám đốc cho HĐQT về tình hình SXKD.

- Chủ tịch HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế, quy định khác của Công ty từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót.

- Ban giám đốc công ty đã điều hành hoạt động của công ty đúng theo chủ trương, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT.

- Các hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của điều lệ công ty và Pháp luật nhà nước.

II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022:

(Nội dung được trình bày tại tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ-2023)

III- KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023:

(Nội dung được trình bày tại Tờ trình số 02/TTr-ĐHĐCĐ-2023)

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của HĐQT công ty. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Nguyên Hòa



Số: 01/BC-ĐHĐCĐ-2023

Đắk Lắk, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 60 Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Phước An xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông kết quả công tác kiểm tra, giám sát năm 2022 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

PHẦN I KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2022

I- Tình hình tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát.

1- Về tổ chức:

Ban Kiểm soát Công ty CPCP Phước An được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 10-8-2017 bầu ra, gồm có 03 thành viên và được phân công công việc cụ thể như sau: Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên còn lại theo dõi các hoạt động khác do Trưởng ban giao.

- Trưởng ban: Nguyễn Thị Trì

Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của ban, giám sát hoạt động của các thành viên trong ban.

- Thành viên chuyên trách: Lê Văn Khuân

Chịu trách nhiệm:

+ Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý của công ty.

+ Giám sát công tác tài chính kế toán của công ty.

+ Giám sát việc tuân thủ pháp luật và điều lệ công ty.

+ Kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế tại công ty.

+ Giám sát quản lý đất đai trong toàn công ty.

+ Là thư ký của ban, là đầu mối thu thập toàn bộ các số liệu, tổng hợp và làm báo cáo của ban.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công

- Thành viên: Trần Thị Kim Oanh

Chịu trách nhiệm:

- + Giám sát hoạt động của các phòng ban chức năng công ty.
- + Giám sát hoạt động kiểm kê của công ty.
- + Giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản của công ty.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công

2- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2022, Ban kiểm soát tổ chức họp 04 lần:

- Lần họp thứ nhất: ngày 04/04/2022: Nội dung: Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán).
- Lần họp thứ hai: ngày 12/04/2022: Nội dung: Thông qua Báo cáo công tác kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
- Lần họp thứ ba: ngày 22/04/2022: Nội dung: Hợp bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

-Lần họp thứ tư: ngày 05/05/2022: Nội dung: Hợp phân công nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

Ban kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông; các quy định tại Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty CPCP Phước An đề ra.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp nào vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3- Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty:

3.1 Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 10-8-2017 bầu ra. Các thành viên của Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và tổ chức triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Định kỳ hàng tháng HĐQT đã tổ chức họp để đánh giá các báo cáo của ban Tổng giám đốc về các hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn các hoạt động của công ty. Trong một số trường hợp, HĐQT họp bất thường để giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của ban Tổng giám đốc.

Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty: HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty:

+ Thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên của HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT.

+ Hàng tháng, HĐQT thường xuyên cử người tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt kết quả giải quyết công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến góp ý, chỉ đạo để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của ban TGD nhằm điều hành hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

+ Ban hành Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành hoạt động SXKD.

- + Chỉ đạo hoàn thành xây dựng các quy chế, nội quy hoạt động của công ty.
- + Kết hợp với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.
- + Quyết định ngày triệu tập, thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 cũng như các nội dung khác trình ĐHĐCĐ quyết định theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 17 cuộc họp, đã ban hành 17 Nghị quyết, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ
01	01-2022/NQ-HĐQT	16/02/2022	Phê duyệt Phương án thanh lý, giao khoán vườn cây đến hạn thanh lý hợp đồng tại vùng Phước An, huyện Krông Pắc	100%
02	02-2022/NQ-HĐQT	16/02/2022	Bãi nhiệm chức vụ Phó Tổng GD công ty đối với ông Trương Quang Tuấn	100%
03	03-2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ cây trồng và tài sản trên đất để xét xử tại Tòa án thu hồi vườn cây giao khoán tại An Thuận.	100%
04	04-2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Phê duyệt cưa bỏ cây bơ và cà phê trong diện tích 10,53ha vườn cây Thực nghiệm	100%
05	05-2022/NQ-HĐQT	25/02/2022	Phê duyệt Phương án thanh lý, gia hạn hợp đồng giao khoán vườn cây của Công ty tại vùng An Thuận đến hạn thanh lý hợp đồng	100%
06	06-2022/NQ-HĐQT	08/3/2022	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
07	07-2022/NQ-HĐQT	22/4/2022	Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2022-2027	100%
08	08-2022/NQ-HĐQT	22/04/2022	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký Hội đồng quản trị	100%
09	09-2022/NQ-HĐQT	27/04/2022	Phê duyệt chủ trương thanh lý TSCĐ, nhổ bỏ cây cà phê trên diện tích 4,37ha của Công ty tại vùng An Thuận.	100%
10	10-2022/NQ-HĐQT	27/6/2022	Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
11	11-2022/NQ-HĐQT	28/7/2022	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
12	12-2022/NQ-HĐQT	19/09/2022	Vay vốn tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Đắk Lắk.	100%
13	13-2022/NQ-HĐQT	26/9/2022	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cà phê Phước An đối với ông Lê Khánh Việt.	100%
14	14-2022/NQ-HĐQT	15/11/2022	Phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
15	15-2022/NQ-HĐQT	14/12/2022	Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
16	16-2022/NQ-HĐQT	16/12/2022	Thống nhất một số nội dung liên quan đến vườn cây của Công ty tại vùng An Thuận.	100%
17	17-2022/NQ-HĐQT	16/12/2022	Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Hoàng Hiệp.	100%

3.2 Giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2022 Do tình hình kinh tế khó khăn chung vì vậy ảnh hưởng một phần đến Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động. Tổng Giám đốc Công ty đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD và chủ động có nhiều giải pháp cả về thị trường, xử lý tài chính, tiết kiệm chi phí và giá thành, tái cấu trúc mô hình quản lý... Tập thể người lao động trong Công ty có sự đoàn kết, nhất trí cao đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, khắc phục những khó khăn, quyết tâm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty nhằm nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động SXKD và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3.3 Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Năm 2022 tiếp tục là một năm còn gặp nhiều khó khăn đối với công ty.

Kết quả cụ thể như sau (Theo báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán):

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022			Ghi chú
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện	
Tổng Doanh thu	116.488	63.771	Giảm 45%	
Tổng chi phí phát sinh	121.448	80.176	Giảm 34%	
Tổng lợi nhuận trước thuế	(4.960)	(16.405)	Lỗ tăng 231%	

- Nguyên nhân kinh doanh không hiệu quả (theo giải trình của HĐQT và BTGD):

+ Do trích lập giảm giá hàng tồn kho với số tiền: 2.005 triệu đồng.

+ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo qui định: 6.671 triệu đồng (*chủ yếu chênh lệch phân ghi nợ hộ nhận khoán không nộp sản phẩm*).

+ Giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần tại thời điểm lập báo cáo nguyên nhân do các hộ dân không nộp khoán.

+ Do yếu tố bất lợi của nền kinh tế thế giới: giá cả phê trong năm qua luôn biến động giảm, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty không hiệu quả.

b) Công tác Tài chính kế toán:

Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Công ty:

Công ty đã chú trọng xây dựng và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ và điều hành doanh nghiệp.

c) Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022, kết thúc tại ngày 31/12/2022, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young, qua đó thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

4. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu cho Ban kiểm soát.

Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

5. Kết luận và kiến nghị:

5.1 Kết luận:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung do vậy từng thành viên trong ban kiểm soát còn nhiều yếu tố khách quan dẫn đến chưa bám sát cụ thể vào hoạt động SXKD của công ty, vì vậy công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của Công ty được tốt hơn trong năm tới, cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

5.2 Kiến nghị:

- Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật.

- Xem xét việc đầu tư các dự án lớn để kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty;

- Đánh giá phương án tổ chức giao nhận khoán và quản lý vườn cây giao nhận khoán của công ty đã đến hạn thanh lý hợp đồng.

- Đánh giá hiệu quả các sản phẩm chủ lực trên cơ sở phân bổ chi phí hợp lý, từ đó tập trung phát triển cho các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, tỷ lệ đóng góp doanh thu và lợi nhuận lớn.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho: Rà soát và hoàn thiện quy trình quản lý hàng tồn kho, vận chuyển, giao hàng hợp lý, tránh rủi ro về chất lượng, thiệt hại và pháp lý.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị Nợ phải thu: Rà soát, đánh giá và thu hồi các khoản nợ khó đòi.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023. Ban kiểm soát đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2023 như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, việc chấp hành pháp luật Nhà nước tại Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông Công ty năm 2023.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2023. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của công ty.

- Phối hợp với các phòng ban chức năng kiểm soát hồ sơ dự án đầu tư năm 2023 (Nếu có).

- Kiểm tra việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền.

- Giám sát bảo vệ, thu hoạch, vận chuyển và nhập cảng về nhà máy chế biến vụ 2023-2024 tại vùng An Thuận.

- Thực hiện các báo cáo theo Quy chế của Ban Kiểm soát.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả công tác của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



NGUYỄN THỊ TRÍ

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33



Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 6000183273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 6 năm 1996. Công ty sau đó đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 16 cấp ngày 25 tháng 1 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã CPA theo Quyết định số 861/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nguyên Hòa	Chủ tịch	
Ông Hồ Sỹ Trung	Phó chủ tịch	
Ông Trương Quang Tuấn	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2022
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Thành viên	
Ông Dương Kim Nhung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Tri	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông Lê Văn Khuân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Huyền Trâm	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Khánh Việt	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2022
		từ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
Ông Dương Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nguyên Hòa	Chủ tịch	từ ngày 25 tháng 1 năm 2022
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	đến ngày 25 tháng 1 năm 2022
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Tổng Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Huyền Trâm
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 61438888/E-66806220

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		52.647.809.898	47.137.685.111
110	I. Tiền	4	8.563.047.808	6.112.788.404
111	1. Tiền		8.563.047.808	6.112.788.404
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.385.073.696	20.863.737.173
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	319.540.000	1.220.274.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	108.908.882	190.993.069
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	38.652.371.149	30.392.626.835
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(17.695.746.335)	(10.940.156.731)
140	III. Hàng tồn kho	8	22.057.627.413	19.441.851.730
141	1. Hàng tồn kho		24.063.178.170	19.441.851.730
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.005.550.757)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		642.060.981	719.307.804
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		27.408.331	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	532.558.250	637.213.404
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	82.094.400	82.094.400
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.325.397.699	90.704.962.930
220	I. Tài sản cố định		83.912.567.865	89.428.598.727
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	83.084.327.865	88.514.678.727
222	Nguyên giá		295.609.286.381	289.150.914.460
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(212.524.958.516)	(200.636.235.733)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	828.240.000	913.920.000
228	Nguyên giá		1.285.200.000	1.285.200.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(456.960.000)	(371.280.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		698.086.594	378.376.129
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	698.086.594	378.376.129
260	III. Tài sản dài hạn khác		714.743.240	897.988.074
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	714.743.240	897.988.074
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		137.973.207.597	137.842.648.041

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		64.600.643.378	48.064.360.369
310	I. Nợ ngắn hạn		47.636.890.903	47.358.299.344
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	3.961.176.913	3.002.328.968
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	8.260.016.500	628.326.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.675.076	-
314	4. Phải trả người lao động		233.167.352	263.743.263
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	133.031.507	137.233.407
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.056.539.722	2.808.845.211
320	7. Vay ngắn hạn	18	31.968.500.000	40.489.038.162
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.783.833	28.783.833
330	II. Nợ dài hạn		16.963.752.475	706.061.025
338	1. Vay dài hạn	18	16.300.000.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	17	663.752.475	706.061.025
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		73.372.564.219	89.778.287.672
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	73.372.564.219	89.778.287.672
411	1. Vốn cổ phần		236.279.900.000	236.279.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		236.279.900.000	236.279.900.000
421	2. Lỗ lũy kế		(162.907.335.781)	(146.501.612.328)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(146.501.612.328)	(131.270.100.899)
421b	- Lỗ năm nay		(16.405.723.453)	(15.231.511.429)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		137.973.207.597	137.842.648.041



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Người lập



Bùi Quốc Thịnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Huyền Trâm
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	63.771.330.237	58.673.255.799
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(63.858.355.056)	(54.704.926.867)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp		(87.024.819)	3.968.328.932
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính		88.832.216	63.369.903
22	5. Chi phí tài chính	22	(3.025.266.466)	(2.333.844.741)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(3.025.266.466)	(2.332.994.136)
25	6. Chi phí bán hàng	23	(641.754.081)	(1.444.907.125)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(10.277.116.036)	(10.459.543.942)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.942.329.186)	(10.206.596.973)
31	9. Thu nhập khác	24	428.699.180	581.528.000
32	10. Chi phí khác	24	(2.892.093.447)	(5.606.442.456)
40	11. Lỗ khác	24	(2.463.394.267)	(5.024.914.456)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(16.405.723.453)	(15.231.511.429)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	14. Lỗ thuần sau thuế TNDN		(16.405.723.453)	(15.231.511.429)
70	15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	19.5	(694)	(645)
71	16. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	19.5	(694)	(645)



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Người lập



Bùi Quốc Thịnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Huyền Trâm
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(16.405.723.453)	(15.231.511.429)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	12.034.727.964	13.003.205.762
03	Trích lập dự phòng		8.718.831.811	6.560.437.967
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(47.819)	56.972
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		2.868.849.443	5.988.462.272
06	Chi phí lãi vay	22	3.025.266.466	2.332.994.136
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.241.904.412	12.653.645.680
09	Tăng các khoản phải thu		(7.172.270.973)	(11.797.530.593)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(4.621.326.440)	27.095.547.717
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		8.817.331.621	(9.817.182.498)
12	Giảm chi phí trả trước		155.836.503	242.903.491
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.031.468.366)	(3.006.977.289)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.378.006.757	15.370.406.508
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(9.708.915.997)	(3.616.175.465)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.658.987	652.962
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(9.707.257.010)	(3.615.522.503)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	113.544.509.256	84.233.798.421
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(105.765.047.418)	(92.372.637.665)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		7.779.461.838	(8.138.839.244)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.450.211.585	3.616.044.761
60	Tiền đầu năm		6.112.788.404	2.496.800.615
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		47.819	(56.972)
70	Tiền cuối năm	4	8.563.047.808	6.112.788.404



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Người lập



Bùi Quốc Thịnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Huyền Trâm
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 6000183273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 6 năm 1996. Công ty sau đó đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 16 cấp ngày 25 tháng 1 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã CPA theo Quyết định số 861/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng sau giai đoạn đầu tư, giai đoạn đầu tư là trên 3 năm.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23 (31 tháng 12 năm 2021: 25).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Giả định về hoạt động liên tục* (tiếp theo)

Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 số tiền là 16.405.723.453 VND và cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 162.907.335.781 VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, các đối tác của Công ty và bên cho vay, đã cam kết sẵn sàng và có thiện chí hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ 12 tháng tiếp theo.

Theo đó, báo cáo tài chính không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục và việc phân loại các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này tùy thuộc vào các sự kiện tương lai và kết quả của nó mang tính không chắc chắn.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Sản phẩm trồng trọt

Sản phẩm trồng trọt được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm trồng trọt trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung (chi phí khấu hao, chi phí bảo vệ, điện, nước, xử lý nước thải và các chi phí bằng tiền khác) có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được hao mòn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Vườn cây lâu năm	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị và dụng cụ quản lý	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	15 năm
Tài sản khác	5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về đầu tư dự án trồng bơ, sầu riêng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.397.814.664	669.622.667
Tiền gửi ngân hàng	165.233.144	5.443.165.737
TỔNG CỘNG	8.563.047.808	6.112.788.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	316.890.000	1.217.624.000
Phải thu bên khác	2.650.000	2.650.000
TỔNG CỘNG	319.540.000	1.220.274.000

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Văn Khuân	-	86.987.387
Khác	108.908.882	104.005.682
TỔNG CỘNG	108.908.882	190.993.069
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(46.005.682)	(46.005.682)
GIÁ TRỊ THUẦN	62.903.200	144.987.387

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các hộ dân về hao hụt khoán sản phẩm	31.158.447.570	24.120.850.874
Phải thu các hộ dân về trồng bơ tại vườn Cà phê An Thuận	2.748.605.820	2.581.752.580
Phải thu về thu hồi vườn cây	1.506.348.685	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.469.105.144	1.627.189.427
Phải thu về chuyển nhượng vườn cây	1.105.491.954	1.155.058.954
Khác	664.371.976	907.775.000
TỔNG CỘNG	38.652.371.149	30.392.626.835
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.649.740.653)	(10.894.151.049)
GIÁ TRỊ THUẦN	21.002.630.496	19.498.475.786

Chi tiết dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.940.156.731	4.325.184.682
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	6.790.389.604	6.614.972.049
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(34.800.000)	-
Số cuối năm	17.695.746.335	10.940.156.731

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Giá trị thuần	Số đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng		Giá trị	Dự phòng	
Phải thu các hộ dân về hao hụt khoán sản phẩm	23.193.582.405	14.973.151.978	8.220.430.427	24.120.850.874	8.301.255.977	15.819.594.897
Phải thu về chuyển nhượng vườn cây	1.120.258.954	1.120.258.954	-	1.155.058.954	1.108.617.954	46.441.000
Tạm ứng cho nhân viên	892.726.368	892.726.368	-	1.627.189.427	892.726.368	734.463.059
Bảo hiểm rủi ro vườn cây	356.070.321	356.070.321	-	356.070.321	356.070.321	-
Ứng trước cho người bán	46.005.682	46.005.682	-	190.993.069	46.005.682	144.987.387
Khác	307.533.032	307.533.032	-	551.704.679	235.480.429	316.224.250
TỔNG CỘNG	25.916.176.762	17.695.746.335	8.220.430.427	28.001.867.324	10.940.156.731	17.061.710.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Thành phẩm	13.230.689.326	2.005.550.757	7.434.234.688	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	10.031.442.936	-	11.151.373.723	-	
Nguyên liệu, vật liệu	399.831.804	-	607.289.016	-	
Hàng hóa	371.401.064	-	192.392.428	-	
Công cụ và dụng cụ	29.813.040	-	56.561.875	-	
TỔNG CỘNG	24.063.178.170	2.005.550.757	19.441.851.730	-	

(*) Đây là khoản chi phí trồng cà phê và sầu riêng chờ đến vụ thu hoạch. Khoản chi phí này bao gồm chi phí phân bón, chi phí nhân viên, chi phí khấu hao, chi phí bảo vệ, điện, nước, xử lý nước thải và các chi phí bằng tiền khác.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.005.550.757	-
Số cuối năm	2.005.550.757	-

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Vườn cây lâu năm	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị và dụng cụ quân lý	Tài sản khác	Tổng cộng
VND							
Nguyên giá							
Số đầu năm	85.130.340.653	40.741.658.548	160.387.533.896	800.000.000	1.592.058.636	499.322.727	289.150.914.460
Đầu tư XDCB hoàn thành	659.492.500	-	10.302.371.886	-	-	-	10.961.864.386
Xóa sổ	-	-	(4.503.492.465)	-	-	-	(4.503.492.465)
Số cuối năm	85.789.833.153	40.741.658.548	166.186.413.317	800.000.000	1.592.058.636	499.322.727	295.609.286.381
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	14.731.869.160	22.900.835.360	787.815.533	-	1.485.450.000	499.322.727	40.405.292.780
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(62.502.191.248)	(33.537.568.847)	(102.043.951.771)	(547.680.030)	(1.520.910.200)	(483.933.637)	(200.636.235.733)
Khấu hao trong năm	(4.901.507.660)	(1.977.263.866)	(4.985.384.946)	(63.569.766)	(21.321.726)	-	(11.949.047.964)
Xóa sổ	-	-	60.325.181	-	-	-	60.325.181
Số cuối năm	(67.403.698.908)	(35.514.832.713)	(106.969.011.536)	(611.249.796)	(1.542.231.926)	(483.933.637)	(212.524.958.516)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	22.628.149.405	7.204.089.701	58.343.582.125	252.319.970	71.148.436	15.389.090	88.514.678.727
Số cuối năm	18.386.134.245	5.226.825.835	59.217.401.781	188.750.204	49.826.710	15.389.090	83.084.327.865

Tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị còn lại là 44.078.529.271 VND đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá

Số đầu năm và số cuối năm 1.285.200.000

Giá trị hao mòn lũy kế

Số đầu năm (371.280.000)

Hao mòn trong năm (85.680.000)

Số cuối năm (456.960.000)

Giá trị còn lại

Số đầu năm 913.920.000

Số cuối năm 828.240.000

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

Số cuối năm Số đầu năm

Dự án trồng sầu riêng 621.218.093 330.007.629

Dự án trồng bơ 76.868.501 48.368.500

TỔNG CỘNG 698.086.594 378.376.129

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND

Số cuối năm Số đầu năm

Giá trị lợi thế kinh doanh (i) 711.349.037 863.780.973

Công cụ, dụng cụ 3.394.203 34.207.101

TỔNG CỘNG 714.743.240 897.988.074

(i) Đây là lợi thế kinh doanh của Công ty được xác định khi chuyển đổi công ty nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định 43/QĐ-UBND vào ngày 6 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hộ dân về vượt khoán sản phẩm cà phê	3.907.206.788	2.978.223.968
Khác	53.970.125	24.105.000
TỔNG CỘNG	3.961.176.913	3.002.328.968

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 27)	8.000.000.000	-
Người mua trả tiền trước	260.016.500	628.326.500
TỔNG CỘNG	8.260.016.500	628.326.500

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	637.213.404	131.775.737	(236.430.891)	532.558.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.094.400	-	-	82.094.400
TỔNG CỘNG	719.307.804	131.775.737	(236.430.891)	614.652.650
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	-	46.732.803	(54.407.879)	7.675.076

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	70.531.507	76.733.407
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	62.500.000	60.500.000
TỔNG CỘNG	133.031.507	137.233.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về cổ phần hóa cho hộ dân nhận khoán vườn cây	2.598.672.808	2.598.672.808
Nhận ký quỹ ngắn hạn	255.000.000	-
Khác	202.866.914	210.172.403
TỔNG CỘNG	<u>3.056.539.722</u>	<u>2.808.845.211</u>

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả.



Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm	Đi vay	Trả nợ gốc vay	Số cuối năm	VND
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	40.489.038.162	97.244.509.256	(105.765.047.418)		31.968.500.000
Vay dài hạn					
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 18.2)	-	16.300.000.000	-		16.300.000.000
TỔNG CỘNG	40.489.038.162	113.544.509.256	(105.765.047.418)		48.268.500.000
18.1 Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng					
Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:					
Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)		Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	31.968.500.000	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2023	Từ 7,5 đến 10,0		Nhà cửa, vật kiến trúc và vườn cây lâu năm tại Km 26, Quốc lộ 26, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk ("Phước An"); và vườn cây lâu năm tại Km 67, Quốc lộ 14, Huyện Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk ("An Thuận") (Thuyết minh số 9)
18.2 Khoản vay dài hạn từ bên liên quan					
Công ty có khoản vay tín chấp dài hạn để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:					
Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)		Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương (Thuyết minh số 27)	16.300.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8.0		Tín chấp
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	-				
Vay dài hạn	16.300.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

			VND
	Vốn cổ phần	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	236.279.900.000	(131.270.100.899)	105.009.799.101
Lỗ thuần trong năm	-	(15.231.511.429)	(15.231.511.429)
Số cuối năm	<u>236.279.900.000</u>	<u>(146.501.612.328)</u>	<u>89.778.287.672</u>
Năm nay			
Số đầu năm	236.279.900.000	(146.501.612.328)	89.778.287.672
Lỗ thuần trong năm	-	(16.405.723.453)	(16.405.723.453)
Số cuối năm	<u>236.279.900.000</u>	<u>(162.907.335.781)</u>	<u>73.372.564.219</u>

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

			VND
	Năm nay	Năm trước	
Vốn cổ phần đã góp			
Số đầu năm và cuối năm	<u>236.279.900.000</u>	<u>236.279.900.000</u>	

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	% sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Bà Tôn Thị Bích Vân	5.883.370	58.833.700.000	24,9	-	-
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	5.883.370	58.833.700.000	24,9	-	-
Bà Nguyễn Trần Xuân Mai	5.883.370	58.833.700.000	24,9	-	-
Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk	4.769.796	47.697.960.000	20,2	4.769.796	47.697.960.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm	-	-	-	18.267.808	182.678.080.000
Dinh dưỡng Nutifood	1.208.084	12.080.840.000	5,1	590.386	5.903.860.000
Đối tượng khác	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	23.627.990	236.279.900.000	100	23.627.990	236.279.900.000
					100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	23.627.990	23.627.990
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.627.990	23.627.990
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.627.990	23.627.990

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

19.5 Lỗ trên cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	(16.405.723.453)	(15.231.511.429)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	23.627.990	23.627.990
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu và lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(694)	(645)

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.771.330.237	58.673.255.799
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	43.782.445.000	32.534.944.432
Doanh thu bán thành phẩm	18.870.182.283	25.740.612.494
Doanh thu từ cho thuê văn phòng	1.118.702.954	397.698.873
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3.703.370.800	4.735.728.000
Doanh thu đối với bên khác	60.067.959.437	53.937.527.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	42.568.845.601	31.438.901.325
Giá vốn thành phẩm	18.810.999.271	23.045.626.137
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.005.550.757	-
Giá vốn cho thuê văn phòng	472.959.427	220.399.405
TỔNG CỘNG	63.858.355.056	54.704.926.867

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.025.266.466	2.332.994.136
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	850.605
TỔNG CỘNG	3.025.266.466	2.333.844.741

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	641.754.081	1.444.907.125
Chi phí nhân viên	435.599.660	550.551.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.264.196	836.684.140
Khác	64.890.225	57.671.963
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.277.116.036	10.459.543.942
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.447.275.183	6.614.972.049
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.520.549.011	1.479.653.318
Chi phí nhân viên	838.009.532	939.789.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.209.837	404.071.076
Khác	1.184.072.473	1.021.057.814
TỔNG CỘNG	10.918.870.117	11.904.451.067

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	428.699.180	581.528.000
Thu nhập từ giao khoán sản phẩm nông nghiệp	229.450.000	457.860.000
Các khoản khác	199.249.180	123.668.000
Chi phí khác	(2.892.093.447)	(5.606.442.456)
Xóa sổ tài sản cố định	(2.870.508.432)	(5.520.523.598)
Chi phí khác	(21.585.015)	(85.918.858)
GIÁ TRỊ THUẦN	(2.463.394.267)	(5.024.914.456)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	42.568.845.601	31.438.901.325
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.017.890.477	11.750.436.514
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	12.034.727.964	13.003.205.762
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.447.275.183	6.614.972.049
Chi phí nhân viên	3.636.767.990	1.490.340.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.005.550.757	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.771.703.838	1.233.543.562
Chi phí khác	4.315.259.477	1.077.978.015
TỔNG CỘNG	91.798.021.287	66.609.377.934

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty 20% lợi nhuận chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 nên Công ty không trích thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(16.405.723.453)	(15.231.511.429)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(3.281.144.691)	(3.046.302.286)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	537.761.120	1.188.459.809
Các chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	2.138.730.195	755.820.830
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	604.653.376	1.102.021.647
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Lỗ tính thuế

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

26.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 108.241.014.185 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 123.422.389.229 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2022	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2022
					VND
2017	2022	18.204.641.919 (*)	-	(18.204.641.919)	-
2018	2023	34.677.076.765 (*)	-	-	34.677.076.765
2019	2024	37.346.214.669 (**)	-	-	37.346.214.669
2020	2025	27.684.347.640 (**)	-	-	27.684.347.640
2021	2026	5.510.108.236 (**)	-	-	5.510.108.236
2022	2027	3.023.266.875 (**)	-	-	3.023.266.875
TỔNG CỘNG		126.445.656.104	-	(18.204.641.919)	108.241.014.185

(*) Lỗ thuế theo biên bản thanh tra thuế.

(**) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày báo cáo tài chính này.

26.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định (tiếp theo)

VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2022	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2022	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2022
2019	2024 (***)	7.094.722.521	-	-	7.094.722.521
2020	2025 (***)	3.898.816.960	-	-	3.898.816.960
2021	2026 (***)	2.301.130.522	-	-	2.301.130.522
2022	2027 (***)	2.688.805.602	-	-	2.688.805.602
TỔNG CỘNG		15.983.475.605	-	-	15.983.475.605

(***) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 15.983.475.605 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 13.294.670.003 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

26.5 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước (Thuyết minh số 26.3)	108.241.014.185	123.422.389.229
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	15.983.475.605	13.294.670.003
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	20.365.049.567	8.818.878.255
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	17.695.746.335	8.112.817.230
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.005.550.757	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	663.752.475	706.061.025
TỔNG CỘNG	144.589.539.357	145.535.937.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương	Bên liên quan với chủ tịch
Ông Lê Nguyên Hòa	Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Sỹ Trung	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Trương Quang Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Thành viên HĐQT
Ông Dương Kim Nhung	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tri	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên Kiểm soát
Ông Lê Văn Khuân	Thành viên Kiểm soát
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Tổng Giám đốc
Ông Dương Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương	Bên liên quan với chủ tịch	Nhận nợ Ứng trước bán hàng Bán hàng	16.300.000.000 8.000.000.000 3.703.370.800	- - 4.735.728.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
---------------	-------------	--------------------	-------------	------------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương	Bên liên quan với chủ tịch	Bán hàng	316.890.000	1.217.624.000
--	----------------------------	----------	-------------	---------------

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương	Bên liên quan với chủ tịch	Ứng trước bán hàng	8.000.000.000	-
--	----------------------------	--------------------	---------------	---

Vay dài hạn (Thuyết minh số 18.2)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương	Bên liên quan với chủ tịch	Vay	16.300.000.000	-
--	----------------------------	-----	----------------	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Hồ Sỹ Trung	Phó chủ tịch HĐQT	124.623.600	156.365.315
Ông Trương Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	52.000.000	281.438.987
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Tổng Giám đốc	240.000.000	240.000.000
Ông Dương Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc	352.000.000	280.131.569
Ông Lê Văn Khuân	Thành viên BKS	158.250.000	144.325.185
TỔNG CỘNG		926.873.600	1.102.261.056

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.880.718.608	1.880.718.608
Trên 1 - 5 năm	7.522.874.431	7.522.874.431
Trên 5 năm	29.621.318.071	31.502.036.679
TỔNG CỘNG	39.024.911.110	40.905.629.718

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Người lập



Bùi Quốc Thịnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Huyền Trâm
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An năm 2022 và phân phối lợi nhuận như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31-12-2022	31-12-2021
TÀI SẢN:	137,973,207,597	137,842,648,041
1-Tài sản ngắn hạn	52,647,809,898	47,137,685,111
+ Tiền	8,563,047,808	6,112,788,404
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	21,385,073,696	20,863,737,173
+ Hàng tồn kho	22,057,627,413	19,441,851,730
+ Tài sản ngắn hạn khác	642,060,981	719,307,804
2-Tài sản dài hạn	85,325,397,699	90,704,962,930
+ Khoản phải thu dài hạn		
+ Tài sản cố định	83,912,567,865	89,428,598,727
+ Tài sản dở dang dài hạn	698,086,594	378,376,129
+ Tài sản dài hạn khác	714,743,240	897,988,074
NGUỒN VỐN:	137,973,207,597	137,842,648,041
1-Nợ phải trả	64,600,643,378	48,064,360,369
+ Nợ ngắn hạn	47,636,890,903	47,358,299,344
+ Nợ dài hạn	16,963,752,475	706,061,025
2-Vốn chủ sở hữu	73,372,564,219	89,778,287,672
+Vốn đầu tư chủ sở hữu	236,279,900,000	236,279,900,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	236,279,900,000	236,279,900,000
+ Lỗ lũy kế:	(162,907,335,781)	(146,501,612,328)

1.2- Kết quả hoạt động SXKD:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
-Tổng Doanh thu	VNĐ	63,771,330,237	59,318,153,702
-Tổng Chi phí	VNĐ	80,177,053,690	74,549,665,131
-Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.	VNĐ	(16,405,723,453)	(15,231,511,429)
-Tổng số cổ phần phổ thông	Cổ phần	23,627,990	23,627,990
-Lãi(+), Lỗ(-) cơ bản trên cổ phần	VNĐ/CP	(694)	(645)

Nguyên nhân:

+ Nguồn vốn của Công ty 100% vốn vay Ngân hàng vì vậy Chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Tăng trích giảm giá hàng tồn kho do giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần tại thời điểm lập báo cáo. Giá gốc cao là do các hộ dân không nộp khoán.

+ Tăng trích dự phòng nợ khó đòi đối với các hộ dân không nộp khoán.

Thông tin chi tiết, kính đề nghị Quý vị cổ đông xem trong Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An năm 2022 đã được kiểm toán công bố trên website công ty.

2. Phân phối lợi nhuận:

Do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty không hiệu quả, do vậy Công ty không có lợi nhuận để phân phối và chia trả cổ tức cho các cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An;
- Căn cứ thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 phê duyệt kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

I/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

1. Chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Ghi chú
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	50,000	
2	Tổng chi phí phát sinh	Tỷ đồng	53,500	
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(3,500)	
4	Hạn mức huy động vốn KD	Tỷ đồng	45,000	

* Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho HĐQT Quyết định điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế: Các chỉ tiêu SXKD & hạn mức huy động vốn kinh doanh năm 2023.

2. Tổ chức thực hiện: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Quyết định tổ chức mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo phát triển Doanh nghiệp.

II/ Phân phối lợi nhuận:

Do hiện nay Công ty còn đang lỗ lũy kế do phân bổ chi phí còn dở dang của các năm trước đây. Vì vậy năm 2023 không có lợi nhuận để phân phối và chia cổ tức cho các cổ đông trong năm.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



LÊ NGUYỄN HÒA

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

(V/v: Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

I/ Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:

1. Thực hiện năm 2022:

- **Kế hoạch:** Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022, kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS công ty (gồm 08 người, HĐQT: 05 người và BKS: 03 người), với tổng số tiền 486.000.000 đồng.

- **Thực tế chi:** Do trong năm 2022, Công ty Cổ phần Cà phê Phước An thực hiện các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch SXKD đạt thấp, bị lỗ. Do đó, HĐQT không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

2. Kế hoạch năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2023 tương tự như mức thù lao đã được thông qua ĐHĐCĐ năm 2022, mức chi trả như sau:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao Người/tháng	Số tháng	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3) x (4) x(5)
1	Chủ tịch HĐQT	01	6.000.000	12	72.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	01	5.500.000	12	66.000.000
3	Thành viên HĐQT	03	5.000.000	12	180.000.000
4	Trưởng ban KS	01	5.000.000	12	60.000.000
5	Thành viên BKS	02	4.500.000	12	108.000.000
	Tổng cộng	08			486.000.000

II/Tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát công ty:

1. Thực hiện năm 2022:

Do kết quả thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 bị lỗ, vì vậy Hội đồng quản trị Công ty thống nhất không chi thưởng cho HĐQT và BKS.

2. Kế hoạch năm 2023:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định chi trả tiền thưởng cho HĐQT, BKS phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch _____

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.



LÊ NGUYỄN HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ PHƯỚC AN

=★=

Số : 04. /TTr-ĐHĐCĐ-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ; Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán có đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2023 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



LÊ NGUYỄN HÒA

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ PHƯỚC AN**

=★=

Số : 05/TTr-ĐHĐCĐ-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Phước An.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét thông qua bầu bổ sung thành viên HĐQT nội dung sau:

1. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 là: 05 thành viên (đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 22/04/2022).

2. Sự cần thiết bầu bổ sung thành viên HĐQT: Ngày 15/12/2022 ông Nguyễn Hoàng Hiệp thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 có Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Cà phê Phước an kể từ ngày 16/12/2022.

3. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT của ông Nguyễn Hoàng Hiệp và tiến hành bầu bổ sung thay thế 01 thành viên HĐQT vào nội dung Đại hội đồng thường niên năm 2023 để biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An và Luật doanh nghiệp năm 2020.

4. Phương án bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT:

Số lượng bầu thay thế : 01 người.

Cơ cấu : Theo sự đề cử của cổ đông có quyền đề cử và được bầu tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

5. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

Cổ đông đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An có quyền tự ứng cử hoặc đề cử thành viên HĐQT để Đại hội đồng cổ đông bầu tại đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, VP.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Nguyên Hòa

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Phê duyệt vay vốn tại Agribank Đắk Lắk)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ Phần Cà phê Phước An -Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Cà phê Phước an.

Nhằm đảm bảo nhu cầu vốn để phục vụ quá trình sản xuất, phát triển kinh doanh thu mua, chế biến Cà phê niên vụ 2022-2023. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua thông qua nội dung vay vốn tại Agribank Đắk Lắk như sau:

1. Tiếp tục Hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ Phần Cà Phê Phước An và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk, chi tiết như sau:

- Hạn mức vay vốn, số tiền: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng).

- Hình thức bảo đảm vốn tiền vay: Có tài sản bảo đảm

Công ty cổ phần cà phê Phước An dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng và quản lý hợp pháp của Công ty đã thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Đắk Lắk để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ cho Ngân hàng.

2. Các khoản nợ vay tại ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Đắk Lắk, Công ty có trách nhiệm cam kết trả nợ theo đúng thời hạn và điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Ủy quyền cho bà Nguyễn Huyền Trâm – Tổng giám đốc Công ty CP Cà phê Phước An

- Ký hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ, các hồ sơ vay vốn, thanh toán, hồ sơ thế chấp các tài sản của công ty để đảm bảo cho dư nợ vay và thực hiện nghĩa vụ của các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam– Chi nhánh Tỉnh Đắk Lắk.

- Rút vốn, hoàn trả vốn và lãi theo đúng thời hạn quy định.

- Cung cấp đầy đủ các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, cung cấp đầy đủ và kịp thời các báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm theo đúng yêu cầu của ngân hàng.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị công ty về việc bảo đảm sử dụng vốn vay đúng mục đích và đầu tư có hiệu quả.

- Giao dịch trên tài khoản tiền gửi của công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Đắk Lắk,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



LÊ NGUYỄN HÒA

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;

- Lưu HĐQT, TCKT.

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ PHƯỚC AN

=★=

Số : 01../TB-DHĐCD-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Phước An nhiệm kỳ 2022 - 2027

Kính gửi: Quý vị cổ đông,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

Hội đồng quản trị thông báo tới Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

I. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị:

1. Tiêu chuẩn của các ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị: (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020):

Thành viên hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

II. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT bao gồm:

- Đơn đề cử thành viên HĐQT dành cho nhóm cổ đông (mẫu số 1);

- Đơn ứng cử thành viên HĐQT (mẫu số 2);

- Sơ yếu lý lịch ứng cử viên tự khai (mẫu số 3);

- Bản sao hợp lệ CMND/ Hộ chiếu , Hộ khẩu trường trú (hoặc giấy chứng nhận tạm trú dài hạn), các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

III. Lựa chọn các ứng cử viên

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Hội đồng quản trị công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2022- 2027.

IV. Thời hạn và địa chỉ gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử

Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi về Văn phòng công ty trước 16h30 ngày 17/4/2023 (tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty cổ phần cà phê Phước An

Km 26 – QL26 – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk.

Email: lam71phuocan@gmail.com

Nếu quá thời gian trên, Công ty không nhận được hồ sơ ứng cử, đề cử của quý cổ đông thì Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ đề cử người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để ứng cử làm thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2022-2027.

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ NGUYỄN HÒA



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 1

ĐƠN ĐỀ CỬ
THAM GIA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần cà phê Phước An

Tôi tên là:

Là đại diện hợp pháp của công ty/tổ chức (nếu có)

Đang sở hữucổ phần trong, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền đề cử, ứng cử (theo danh sách Công ty chốt ngày 24/3/2023).

Có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	Số CP sở hữu	Ký tên, đóng dấu (nếu có)

Sau khi nghiên cứu Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 của Công ty cổ phần cà phê Phước An,

Tôi nhất trí đề cử Ông/Bà có tên trong danh sách dưới đây tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027:

TT	Họ tên	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu
1				
2				

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng!

....., ngàythángnăm 2023
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ
(ký và ghi rõ họ tên)



**ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần cà phê Phước An

Tôi tên là:

Là đại diện hợp pháp của công ty/tổ chức (nếu có)

Đang sở hữucổ phần trong, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền đề cử, ứng cử (theo danh sách Công ty chốt ngày 24/3/2022).

Sau khi nghiên cứu Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 của Công ty cổ phần cà phê Phước An, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027

Hồ sơ đính kèm đơn này gồm:

- Sơ yếu lý lịch;
- Bản sao CMND.
- Văn bằng, chứng chỉ

Nếu được trúng cử, tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng!

....., ngàythángnăm 2023

ỨNG CỬ VIÊN

(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



....., ngày tháng 04 năm 2023

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập CTCP Cà phê Phước An

- Tên cổ đông:
- Số CMND/Hộ chiếu/GPĐKKD..... cấp ngày tại
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
- Địa chỉ liên hệ:..... Điện thoại:
- Tổng số cổ phần sở hữu :.....

Căn cứ vào Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cà phê Phước An, tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội như sau:

1. Trực tiếp tham dự ☐ (Vui lòng đánh dấu chéo (x) vào ô)

2. Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

- Họ tên:
- Số CMND/Hộ chiếu cấp ngày tại.....

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề nêu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An tổ chức ngày 21/04/2023.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người tham dự/Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

PHIẾU ĐĂNG KÝ

Tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Công ty cổ phần cà phê Phước An

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

Tên cổ đông/đại diện số cổ phần:

Địa chỉ:

Số CMND/CCCD/ĐKKD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Email:

1- Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần cà phê Phước An.

- Số cổ phần sở hữu: cổ phần

- Số cổ phần nhận ủy quyền cổ phần (nếu có)

(Kèm theo Giấy ủy quyền tương ứng với số cổ phần nhận ủy quyền)

Số cổ phần đại diện: cổ phần (nếu có)

Tổng cộng: cổ phần

(Bằng chữ:.....)

2- Đăng ký phát biểu (nếu có) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cà phê Phước An.

- Nội dung đăng ký phát biểu:

.....

.....

.....

3- Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cà phê Phước An xác nhận vào danh sách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.

Cá nhân/tổ chức đăng ký

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

GHI CHÚ: Đề nghị Quý cổ đông có nhu cầu phát biểu phải đăng ký nội dung phát biểu để Ban tổ chức bố trí thời gian phù hợp. Mỗi đại biểu đăng ký có tối đa 05 phút để phát biểu, Quý cổ đông về họp Đại hội vui lòng gửi Phiếu đăng ký hoặc fax về Công ty cổ phần Cà phê Phước An trước 16h00 ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo địa chỉ sau: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN** (Người nhận: Ông Phan Viết Lâm – Thư ký HĐQT), Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ 26, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk - ĐTĐD: 0905189092.



Km26 – Quốc lộ 26 – xã Ea Yông – Krông Păk – Đắk Lắk
Tel. : (0262) 3521 149
Fax : (0262) 3521 246



....., ngày ... tháng ... năm 2023

**PHIẾU ĐÓNG GÓP Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Về:

A. THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG:

- Tên cổ đông:.....
 - Số CMND/Hộ chiếu/GPĐKKD cấp ngày tại
 - Người đại diện được ủy quyền (đối với tổ chức):
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Điện thoại: Email:
 - Số cổ phần sở hữu:
- (Bằng chữ:)

B. NỘI DUNG GÓP Ý:

- Chủ đề góp ý:
- Nội dung góp ý:
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Người góp ý

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)

Xin vui lòng fax hoặc gửi Phiếu góp ý trước 16g00 ngày 18/04/2023 về:

PHÒNG HCNS - CÔNG TY CP CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Người nhận: Phan Viết Lâm (TP.HCNS)

Km26 – Quốc lộ 26 – xã Ea Yông – Krông Păk – Đắk Lắk

Điện thoại: 0905 189 092

Số: 01-2023/NQ-ĐHĐCĐ

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 04 năm 2023



(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội Nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cà phê Phước An;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần cà phê Phước An số 01-2023/BB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần cà phê Phước An được tổ chức vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 21/04/2023 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Cà phê Phước An với sự tham dự củacổ đông, tương ứngcổ phần, chiếm tỷ lệ.....% vốn điều lệ Công ty Cổ phần cà phê Phước An. Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các báo cáo:

- 1- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023” của Hội đồng quản trị.
- 2- Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 2: Thông qua các Tờ trình:

- 1- Thông qua Tờ trình 01/TTr-ĐHĐCĐ-2023“V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 và phân phối lợi nhuận 2022”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2022 và phân phối lợi nhuận của Hội đồng quản trị.

- 2- Thông qua Tờ trình 02/TTr-ĐHĐCĐ-2023 “V/v Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 của Hội đồng quản trị.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định điều chỉnh phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và triển khai tổ chức thực hiện tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo phát triển Doanh nghiệp.

- 3- Tờ trình số 03/TTr-ĐHĐCĐ-2023 “V/v thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2022 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2023”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát công ty năm 2022 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT, BKS phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp.

4- Thông qua Tờ trình 04/TTr-ĐHĐCĐ-2023 “V/v ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp để kiểm toán BCTC năm 2023”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đề xuất tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp.

5- Thông qua Tờ trình 05/TTr-ĐHĐCĐ-2023 “V/v Vay vốn tại Ngân hàng Agribank Đắk Lắk”.

6- Thông qua Tờ trình 06/TTr-ĐHĐCĐ-2023 “ V/v Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

Đại hội đồng nhất thông qua kết quả bầu cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ năm 2023-2027 như sau:

+ Số lượng thành viên BKS : 01 thành viên.

+ Họ tên người trúng cử:.....

Điều 3: Các ý kiến đóng góp của cổ đông trong Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông ghi nhận những ý kiến đóng góp của các cổ đông, đề xuất những giải pháp giúp công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023. Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT và Ban điều hành công ty xem xét, nghiên cứu, triển khai nếu phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Điều 4: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 21/04/2023.

Các cổ đông của Công ty Cổ phần cà phê Phước An, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần cà phê Phước An có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM/ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Các phòng ban liên quan;
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký.

LÊ NGUYỄN HÒA